



jué shí
攫食

verb · to seize food, to prey on

Example Sentence

lǎo yīng cóng gāo kōng fǔ chōng xià lái jué shí dì miàn shàng de tù zǐ
老鹰从高空俯冲下来攫食地面上的兔子。

The eagle swooped down from the sky to seize a rabbit on the ground.

Trace each character, then write the word on your own.

攫	攫	攫	攫	攫	攫	攫	攫	攫	攫	攫
攫	攫	攫	攫	攫	攫	攫	攫	攫	攫	攫
攫	攫	攫	攫							

食	食	食	食	食	食	食	食	食	食	食
食										